TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02279



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Sinh học nuôi trồng thuỷ sản (206112) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 04/12/2010 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 08117001 | BÙI THỊ THÚY | AN | DH08CT | 1 | | 7,7 | 7 | 7 |
| 2 | 08117009 | TRẦN PHẠM THÙY | ANH | DH08CT | 1 | | 5,7 | 5 | 7 |
| 3 | 09117010 | TRẦN THỊ NGỌC | CHI | DH09CT | ✓ | ✓ | ✓ | 0 | 0 |
| 4 | 08117021 | HUỲNH THỊ BÉ | DIỄM | DH08CT | 1 | | 8,5 | 8 | 5 |
| 5 | 08117029 | NGUYỄN NGỌC HẠNH | DUYÊN | DH08CT | 1 | | 8,7 | 8 | 7 |
| 6 | 08117036 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | GIANG | DH08CT | 2 | | 8,1 | 8 | 1 |
| 7 | 08132018 | NGUYỄN VĂN | HẢI | DH08SP | 1 | | 6,1 | 6 | 1 |
| 8 | 08117045 | LÊ NGỌC | HÂN | DH08CT | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 9 | 08117050 | HUỲNH THỊ | HIỀN | DH08CT | 1 | | 7,6 | 7 | 6 |
| 10 | 08117055 | PHẠM THỊ | HIỀN | DH08CT | 2 | | 7,9 | 7 | 9 |
| 11 | 08117061 | MAI LÊ NGỌC | HIỆP | DH08CT | 1 | | 7,7 | 7 | 7 |
| 12 | 08117057 | NGUYỄN THỊ THU | HIẾU | DH08CT | 1 | | 7,7 | 7 | 7 |
| 13 | 08117066 | NGUYỄN PHI | HỔ | DH08CT | 2 | | 7,1 | 7 | 1 |
| 14 | 09117070 | NGUYỄN THẾ | HUÂN | DH09CT | 1 | | 6,7 | 6 | 7 |
| 15 | 08117073 | NGUYỄN VIỆT | HÙNG | DH08CT | 1 | | 5,1 | 5 | 1 |
| 16 | 08117076 | VÕ VĂN | HƯNG | DH08CT | 1 | | 7,6 | 7 | 6 |
| 17 | 08117077 | NGUYỄN THỊ MAI | HƯƠNG | DH08CT | 1 | | 6,5 | 6 | 5 |
| 18 | 08117078 | TRẦN THỊ | HƯƠNG | DH08CT | 1 | | 7,5 | 7 | 5 |

Số bài: 33 ; Số tờ: 39

Cán bộ coi thi 1&2

Diệp Thanh Tùng

Hoàng Thị Duy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. Lê Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Lê Thị Bình

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02279



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Sinh học nuôi trồng thuỷ sản (206112) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 08117080 | MẠC VĂN | HỮU | DH08CT | 1 | | 5,3 | 5 | 3 |
| 20 | 08117081 | ĐỖ DUY | KHANH | DH08CT | 2 | | 7,4 | 7 | 4 |
| 21 | 08117084 | TRẦN KIM | KHÁNH | DH08CT | 1 | | 6,9 | 6 | 9 |
| 22 | 08117085 | CAO ĐÌNH | KHOA | DH08CT | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 23 | 08117245 | HOÀNG VĂN | KIỆT | DH08CT | 1 | | 6,4 | 6 | 4 |
| 24 | 08117091 | ĐỒNG THỊ TUYẾT | LAN | DH08CT | 1 | | 7,9 | 7 | 9 |
| 25 | 08117093 | NGUYỄN VĂN | LÂM | DH08CT | 2 | | 7,9 | 7 | 9 |
| 26 | 08117106 | TRẦN VĂN | LONG | DH08CT | 2 | | 6,1 | 6 | 1 |
| 27 | 08117109 | LÊ ĐỨC | LỘC | DH08CT | 1 | | 7,8 | 7 | 8 |
| 28 | 09117101 | PHAN THỊ | MAI | DH09CT | 1 | | 5,6 | 5 | 6 |
| 29 | 09117102 | CHÂU VĂN | MẠNH | DH09CT | 1 | | 6,1 | 6 | 1 |
| 30 | 09117105 | PHÚN NHỤC | MÙI | DH09CT | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 31 | 09117111 | THỔ THỊ THÚY | NGÂN | DH09CT | 1 | | 7,4 | 7 | 4 |
| 32 | 09117116 | ĐOÀN MINH | NGUYÊN | DH09CT | 1 | | 8 | 8 | 0 |
| 33 | 08117134 | NGUYỄN THỊ | NHÂN | DH08CT | 1 | | 7,4 | 7 | 4 |
| 34 | 08117137 | BÙI THỊ CẨM | NHUNG | DH08CT | 1 | | 7,7 | 7 | 7 |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Số bài: 33 ; Số tờ: 39

Cán bộ coi thi 1&2

Diệp Thanh Tùng

Hoàng Thị Oanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. Lê Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Lê Thị Bình

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02328



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Sinh học nuôi trồng thuỷ sản (206112) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 08117138 | ĐẶNG THỊ CẨM | NHUNG | DH08CT | 1 | | 5,7 | 5 | 7 |
| 2 | 08117142 | HỒ NGỌC | PHÁT | DH08CT | 1 | | 7,3 | 7 | 3 |
| 3 | 08117147 | NGUYỄN THỊ BÍCH | PHƯỢNG | DH08CT | 2 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 4 | 08117160 | TRẦN THANH | SINH | DH08CT | 2 | | 7,1 | 7 | 1 |
| 5 | 08117168 | TRẦN THỊ MINH | TÂM | DH08CT | 2 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 6 | 07117145 | ĐỖ NHẬT | TÂN | DH08CT | 1 | | 5 | 5 | 0 |
| 7 | 09117155 | HUỲNH VĂN | TÂN | DH09CT | 1 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 8 | 08117182 | PHẠM HỒNG | THÁI | DH08CT | 2 | | 7,9 | 7 | 9 |
| 9 | 08117171 | NGUYỄN THỊ KIM | THANH | DH08CT | 1 | | 7,9 | 7 | 9 |
| 10 | 08117174 | NGUYỄN TẤN | THÀNH | DH08CT | 2 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 11 | 08117178 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THẢO | DH08CT | 2 | | 7,7 | 7 | 7 |
| 12 | 08117183 | LÊ THỊ HOÀNG | THẮM | DH08CT | 2 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 13 | 09117167 | NGUYỄN THỊ | THẮNG | DH09CT | 1 | | 5,3 | 5 | 3 |
| 14 | 08117191 | NGUYỄN THỊ XUÂN | THƠM | DH08CT | 1 | | 6,9 | 6 | 9 |
| 15 | 08117193 | HUỲNH THỊ | THU | DH08CT | 1 | | 5,7 | 5 | 7 |
| 16 | 08117195 | HỒ THỊ KIM | THUYỀN | DH08CT | 2 | | 8,5 | 8 | 5 |
| 17 | 08117201 | HỨA THỊ MỸ | TIÊN | DH08CT | 2 | | 7,6 | 7 | 6 |
| 18 | 09117190 | NGUYỄN THÀNH | TOÁN | DH09CT | 2 | | 8,1 | 8 | 1 |

Số bài:...34.....; Số tờ:.....48.....

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kim Khoa

Võ T. B Tuyết

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. Lê Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Lê Thị Bình

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02328



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

**Môn Học :** Sinh học nuôi trồng thuỷ sản (206112) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/12/2010 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 08117211 | HỒ THỊ THÙY | TRANG | DH08CT | 2 | | 6,7 | 6 | 7 |
| 20 | 08117212 | PHẠM THỊ | TRANG | DH08CT | 2 | | 7,7 | 7 | 7 |
| 21 | 08117215 | DƯƠNG ĐĂNG | TRÁNG | DH08CT | 1 | | 7 | 7 | 0 |
| 22 | 07117187 | NGUYỄN HOÀNG | TRIỆU | DH08CT | 1 | | 5,6 | 5 | 6 |
| 23 | 08117217 | LÊ THẢO | TRINH | DH08CT | 1 | | 5,9 | 5 | 9 |
| 24 | 09336229 | HUỲNH QUANG ĐIỀN | TUẤN | CD09CS | 1 | | 4,5 | 4 | 5 |
| 25 | 08117222 | LÂM THANH | TUẤN | DH08CT | 1 | | 6,4 | 6 | 4 |
| 26 | 08132071 | PHẠM NGỌC | TÙNG | DH08SP | 1 | | 7,5 | 7 | 5 |
| 27 | 08117226 | ĐÀO THỊ KIM | TUYỀN | DH08CT | 1 | | 5,9 | 5 | 9 |
| 28 | 09117209 | NGUYỄN HOÀNG | TUYỀN | DH09CT | 1 | | 7,1 | 7 | 1 |
| 29 | 08117227 | NGUYỄN THỊ NGỌC | TUYỀN | DH08CT | 2 | | 6,7 | 6 | 7 |
| 30 | 08117229 | TRẦN THỊ KIM | TUYẾN | DH08CT | 1 | | 7,6 | 7 | 6 |
| 31 | 08117231 | HỒ NGUYỄN KHÁNH | UYÊN | DH08CT | 2 | | 8,1 | 8 | 1 |
| 32 | 08117232 | NGUYỄN THỊ ÁI | VÂN | DH08CT | 1 | | 7,1 | 7 | 1 |
| 33 | 09117222 | TRẦN TUẤN | VŨ | DH09CT | 1 | | 5,1 | 5 | 1 |
| 34 | 08117238 | PHAN THỊ | VUI | DH08CT | 1 | | 6,2 | 6 | 2 |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Số bài: 34 ; Số tờ: 48

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Kinh Kha

Võ T. B Tuyết

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. Lê Thị Bình

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Lê Thị Bình

Ngày 30 tháng 12 năm 2010